

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST

Ngày: 25/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoan.
- *Thẩm phán:* Ông Trần Văn Thường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Hiệu; Ông Lê Văn Nguyên;
Bà Đinh Thị Hương.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang -Thư ký Tòa án.
- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Là; kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2021/TLST-HS ngày 22/7/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1965.

Nơi ĐK HKTT: thôn N, xã M, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị Q (Đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị U, sinh năm 1965; Đã ly hôn.

Vợ: Đặng Thị Nh, sinh năm 1978; Đã ly hôn.

Bị cáo có 02 con; Con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án/tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2021; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên; có mặt.

*** Người bị hại:**

- Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H; tỉnh Hưng Yên; Do ông Nguyễn Văn T đại diện; Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị Thu H - Phó giám đốc Chi nhánh, đại diện; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1958.

Trú tại: Khu đô thị Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Trương Văn L, sinh năm 1958.

Trú tại: thôn B, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc Kh, sinh năm 1954.

Trú tại: Đường Ng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Ông Đặng Đình C, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn L, xã T, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Vũ Trọng L, sinh năm 1976.

Trú tại: thôn Đ, xã T, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn H1, sinh năm: 1980.

Trú tại: thôn Y, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1950 (đã chết).

Người đại diện: anh Phạm Văn D, sinh năm 1974.

Trú tại: phố Ph, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi liên quan:**

- Ông Hà Trung S, sinh năm 1969.

Trú tại: thôn Y xã G, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970.

Trú tại: thôn D, xã M, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

- Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1983.

Trú tại: thôn L, xã T, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Vũ Văn Nh, sinh năm 1970.

Trú tại: thôn T xã Đ huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Trần Đức B, sinh năm 1977.

Trú tại: thôn C xã T, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn Y xã T, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Bùi Trọng Đ, sinh năm 1978.

Trú tại: Đường ĐB, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1968.

Trú tại: phố M, xã G, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Anh Đặng Văn T3, sinh năm 1977.

Trú tại: phố T, thị trấn T, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Chị Đặng Thị Nh1, sinh năm 1978.

Trú tại: thôn L, xã Đ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Chị Lê Thị L3, sinh năm 1965.

Trú tại: thôn D xã M, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Th là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại N - H (Công ty TNHH một thành viên, sau đây gọi tắt là Công ty N- H) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 27/5/2009 có trụ sở tại số nhà 138 phố P, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; Ngành nghề kinh doanh: xây dựng công trình, bán buôn và bán lẻ ô tô, bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế ...; mọi hoạt động của Công ty đều do Th điều hành, giải quyết và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Quá trình kinh doanh, do bị thua lỗ dẫn tới khó khăn về tài chính, nên Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng các thủ đoạn: Thông qua việc thế chấp tài sản của cá nhân, hoặc của công ty vào ngân hàng để vay tiền hoặc thuê xe tự lái của các doanh nghiệp, cơ sở cá nhân trên địa bàn các huyện M, huyện K và thành phố H sau đó mang những tài sản trên đi thế chấp cầm cố để lấy tiền thanh toán công nợ và tiêu sài cá nhân, rồi sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Th cụ thể như sau:

I. Hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Được biết Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khi thế chấp xe ô tô để vay vốn ngân hàng chỉ quản lý bản chính đăng ký xe ô tô và giao cho chủ sở hữu xe ô tô và bản sao đăng ký xe ô tô. Nên trước khi thế chấp tài sản cho ngân hàng Th đã đến một cửa hàng photocopy màu (không xác định được biển hiệu, địa chỉ) ở khu vực PN, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào làm giả 05 đăng ký xe ô tô (biển số 89K – 70xx, 89L – 11xx, 89L – 13xx, 89L – 13xx, 89L – 13xx) với mục đích sau khi thế chấp xong sẽ mang những xe thế chấp đi cầm cố hoặc bán. Đồng thời cũng tại thời điểm này Th đã thuê xe ô tô tự lái của cơ sở cho thuê xe tự lái rồi mang đi cầm cố, thế chấp để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

1. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng:

1.1. Ngày 03/7/2009, Nguyễn Văn Th (đại diện Công ty N-H) ký Hợp đồng tín dụng số 2401-LAV-20092130 với Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H, hạn mức cho vay 1.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 10,5%/năm, thời hạn cho vay từ ngày 3/7/2009 đến 3/7/2010. Ngày 03/7/2010 Th và Ngân hàng tiếp tục gia hạn hợp đồng tín dụng trên với thời hạn tín dụng từ ngày 3/7/2010 đến

ngày 3/7/2011. Ngày 21/10/2010, Ngân hàng nâng hạn mức tín dụng lên 1.500.000.000 đồng đối với hợp đồng trên.

Tài sản Th đảm bảo cho khoản vay trên, Th đã thế chấp các tài sản cho Ngân hàng gồm: Ngày 01/7/2009, Th ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba với Ngân hàng đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 01, diện tích 276m² tại thôn N, xã M, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên theo GCN QSDĐ số P957219, sổ vào sổ 0050/QSDĐ do UBND huyện Phù Cù cấp ngày 29/10/1999 (*chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn Th*), mức dư nợ cho vay theo các hợp đồng tín dụng (HĐTD) do hai bên ký là 850.000.000 đồng. Ngày 14/8/2009, Th ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với Ngân hàng, thế chấp 01 xe ô tô Kiamorning biển số 89K – 70xx (*đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Th*), mức dư nợ cho vay theo các HĐTD do hai bên ký là 190.000.000 đồng. Ngày 20/10/2010, Th ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với Ngân hàng, thế chấp 01 xe ô tô Kiamorning biển số 89L – 13xx (*đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Th*), mức dư nợ cho vay theo các HĐTD do hai bên ký là 200.000.000 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân cho Th vay số tiền theo HĐTD trên là: Ngày 08/3/2010 cho vay 700.000.000 đồng, ngày 28/6/2010 cho vay 200.000.000 đồng, ngày 21/10/2010 cho vay 200.000.000 đồng.

Sau khi nhận được vốn vay của Ngân hàng đến ngày 31/8/2010, Th điều khiển xe ô tô biển số 89K - 70xx đến nhà ông Hà Trung S ở thôn Y, xã G, huyện Yên Mỹ đặt vấn đề thế chấp xe ô tô 89K-70xx (*cùng các giấy tờ photocopy gồm: 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT PTGTCTGD, 01 bản photo giấy CMND của Th*), để vay 160.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Ông S đồng ý hai bên tự thỏa thuận không tính lãi suất. Th đã trực tiếp viết giấy biên nhận cho ông S. Sau khi nhận được tiền Th đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên ông S đã gửi đơn đến Cơ quan Công an tố cáo Th về hành vi trên; đồng thời giao nộp xe ô tô có biển số 89K – 70xx cùng các loại giấy tờ xe trên và Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 31/8/2010 (*ký hiệu A3*).

Tại Bản kết luận giám định số 97/PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận vay tiền ngày 31/8/2010 ký hiệu A3 là của Nguyễn Văn Th.

1.2. Ngày 07/10/2010 Nguyễn Văn Th (*đại diện công ty N-H*) tiếp tục ký HĐTD để vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng, với lãi suất là 14,5%/ 01 năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để mua 03 xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning có biển số 89L – 11xx; 89L – 13xx; 89L – 13xx theo Hợp đồng kinh tế số 216/HĐKT ngày 10/9/2010 giữa Công ty TNHH TM & DV Đ-Đ và Công ty N-H (*Đăng ký đều có tên chủ xe là Công ty N-H*).

* Đối với 02 xe ô tô 89L – 11xx và 89L – 13xx: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/10/2010, Th điều khiển xe ô tô 89L – 13xx đến nhà anh Hoàng Văn Ph; chị Nguyễn Thị L1 (*anh Hoàng Văn Ph là bạn đồng ngũ với Th*), ở thôn D, xã M, huyện Phù Cừ. Tại đây, Th nói đang cần tiền để làm dự án nên muốn vay tiền, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ Th cầm cho vợ chồng chị L1, 02 xe ô tô có biển số 89L – 13xx và 89L – 11xx của Th, nhưng xe ô tô có biển số 89L – 11xx đang để ở Công ty TNHH TM & DV Đ-Đ và cần có 100.000.000 đồng để lấy xe ra, vợ chồng chị L1 đồng ý nhưng yêu cầu Th viết giấy bán 2 chiếc xe ô tô với giá 570.000.000 đồng. Ngay sau đó, vợ chồng chị L1 đi cùng Th đến Công ty TNHH TM & DV Đ-Đ; Tại đây, anh Ph đưa cho Th 100.000.000 đồng, Th cầm tiền thanh toán cho Công ty và lấy chiếc xe ô tô 89L – 11xx rồi cùng với vợ chồng chị L1 đi về nhà chị L1, vợ chồng chị L1 đưa thêm 263.000.000 đồng cho Th và hẹn 01 tháng sau (*tức ngày 17/11/2010*) nếu Th không bán xe nữa thì Th phải trả lại 363.000.000 đồng và tiền lãi suất bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm trên, nếu Th không có nhu cầu lấy lại xe thì vợ chồng chị L1 sẽ mua xe và thanh toán nốt cho Th 207.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận và nhận tiền xong, Th đã ký tên vào mục người bán xe trong Giấy biên nhận bán xe đề ngày 17/10/2010 do chị L1 viết (*ký hiệu A15*) và bàn giao cho chị L1 xe ô tô cùng các giấy tờ xe, gồm: Đăng ký xe (*đăng ký giả*), Giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMT PTGTCGĐB và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô. Đến ngày 17/11/2010, vợ chồng chị L1 không thấy Th đến lấy tiền, không liên lạc được với Th nên nghi ngờ 02 đăng ký xe ô tô trên là giả và làm đơn tố cáo Th, giao nộp Giấy biên nhận bán xe, 02 xe ô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ có liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 97/PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận Nguyễn Văn Th là người ký tên trên Giấy biên nhận bán xe (*ký hiệu A15*).

Tại Bản kết luận giám định số 177/PC09 ngày 24/11/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận hai đăng ký xe ô tô biển số 89L – 11xx, 89L – 13xx không phải do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp, mà được làm giả bằng phương pháp sao in.

* Đối với 02 xe ô tô 89L – 13xx và 89L – 13xx: Quá trình điều tra, Th khai: khoảng tháng 9/2010 hoặc tháng 10/2010 (*không xác định được thời gian cụ thể*) Th đã cho bạn là Trần Văn H4, nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện Ân Thi mượn 02 xe ô tô trên (*kèm theo giấy tờ xe, gồm: đăng ký xe ô tô giả, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TND của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVMT PTGTCGĐB*), hai bên không viết giấy biên nhận. Một thời gian sau (*không xác định được thời gian cụ thể*), Th đã gọi điện thoại cho anh H4 để đòi xe nhưng anh H4 không trả lại xe cho Th, sau đó Th đã bỏ trốn và không liên lạc với anh H4 nữa. Căn cứ lời khai của Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh đối

với anh H4 nhưng anh H4 đã chết từ ngày 17/6/2011 do tai nạn giao thông còn vợ của anh H4 (*là chị Trần Thị S cùng các con*) cũng đã đi khỏi địa phương từ sau khi anh H4 chết, không xác định được đang cư trú tại đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã ra thông báo truy tìm 02 chiếc xe ô tô trên nhưng đến nay chưa thu giữ được, vì vậy chưa chứng minh được hành vi chiếm đoạt của Th, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh và giải quyết sau.

Ngày 07/8/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp 03 xe ô tô có biển số 89K – 70xx, 89L – 11xx và 89L – 13xx; Đến ngày 21/9/2012, Ngân hàng nông nghiệp đã đấu giá, bán xe ô tô có biển số 89K – 70xx được 222.686.000 đồng, xe 89L – 11xx được 286.680.000 đồng và xe 89L – 13xx được 288.000.000 đồng.

Ngày 4/6/2021 Sở tài chính tỉnh Hưng Yên có công văn số 518 trả lời do

không thu giữ được tài sản nên hội đồng định giá không thể định giá được. Giữa Ngân hàng và Th khi ký HĐTD và hợp đồng thế chấp tài sản đối với 05 xe ô tô trên không thể hiện rõ mỗi xe Ngân hàng cho Th vay bao nhiêu tiền. Vì vậy giá trị Th chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng được tính bằng hạn mức dư nợ cho vay khi thế chấp tài sản là 190.000.000 đồng đối với xe biển số 89K – 70xx (*đã thu giữ và chứng minh được Th chiếm đoạt*) và giá trị khi Ngân hàng tiến hành thanh lý đối với xe biển số 89L-11xx là 286.680.000 đồng và xe biển số 89L – 13xx là 288.000.000 đồng. Tổng giá trị Th chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng là 764.680.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H là người bị hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Hà Trung S là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th trả khoản tiền 160.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th trả khoản tiền: 363.000.000 đồng.

2. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của cơ sở cho thuê xe tự lái:

Khoảng 06 giờ ngày 10/01/2010, Nguyễn Văn Th đến gặp ông Lê Ngọc Kh, trú tại Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên (*là giám đốc Doanh nghiệp tư nhân*) ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia biển số: 29S – 60xx với giá thỏa thuận 300.000 đồng/ 01 ngày; ông Kh đã bàn giao cho Th xe ô tô trên cùng bản photocopy các giấy tờ xe (*01 Đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT7BVMPTGTCTGĐB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô*). Đến ngày 31/8/2010 (*sau gần 09 tháng thuê xe*), Th đi xe ô tô trên đến nhà anh Nguyễn Đình H2, thôn L, xã T, huyện Yên Mỹ (*anh H2 là con ông Nguyễn Văn H5 là bạn của Th*) nói với anh H2 về việc Th đang thi công công trình nhưng gặp khó khăn về vốn nên muốn vay anh H2 50.000.000 đồng, hẹn chỉ vay trong thời hạn vài ngày và dùng xe ô tô trên cùng các giấy tờ xe làm tài sản bảo đảm cho khoản vay đồng thời cam kết xe ô tô là tài

sản hợp pháp. Do tin tưởng nên anh H2 đã cho Th vay tiền, không tính lãi suất, hai bên viết giấy vay tiền (*ký hiệu A2*). Do không thấy Th đến trả tiền nên anh H2 đã nhiều lần gọi điện thoại cho Th để đòi nợ nhưng đều không liên lạc được. Còn ông Kh không thấy Th trả xe ô tô, không gặp và liên lạc được với Th nên gửi đơn đến Cơ quan Công an tố cáo Th về hành vi trên. Ngày 24/12/2010, ông H5 mang xe ô tô đến Gara ô tô Yên Thành ở xã T, huyện Yên Mỹ để sửa chữa thì bị thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Hưng Yên, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Kia Pride màu trắng, BKS 29S - 60xx có trị giá là 105.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 97/PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận Nguyễn Văn Th là người ký tên trên Giấy vay tiền (*ký hiệu A2*).

Ngày 30/12/2010 Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Lê Ngọc Kh chiếc xe ô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Ngọc Kh là bị hại trong vụ án, do xe đã được thu hồi nên không có đề nghị gì. Anh Nguyễn Đình H2 là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th trả lại khoản tiền 50.000.000 đồng và xử lý Th theo quy định của pháp luật.

Như vậy hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Th là: 01 xe 29S-60xx của ông Lê Ngọc Kh có trị giá 105.000.000 đồng và tài sản ngân hàng có tổng trị giá 764.680.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Th lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 869.680.000 đồng.

II. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Để có tiền trang trải nợ nần và chi tiêu, lợi dụng với danh nghĩa là giám đốc Công ty, sẵn có mối quan hệ quen biết từ trước, trong khoảng một thời gian ngắn từ 15/9/2010 đến 22/10/2010 bằng thủ đoạn gian dối Th đã thuê nhiều xe ô tô tự lái của các doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái sau đó mang xe đi thế chấp cầm cố lấy tiền rồi bỏ trốn, cụ thể:

1. 02 xe ô tô 89K – 96xx và 89K – 76xx:

Ngày 15/9/2010, Th đến gặp bà Nguyễn Thị Kim O, nơi cư trú: thị trấn Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ký Hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lacetti có biển số 89K – 96xx để đi làm công trình. Thời hạn từ ngày 15/9/2010 đến ngày 10/10/2010, với giá 600.000 đồng/01 ngày; Th đặt cọc tiền thuê xe 20.000.000 đồng; Bà O đã giao cho Th xe ô tô kèm theo giấy tờ xe (gồm: 01 bản photocopy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMPTGTCTGD và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô).

Đến khoảng đầu tháng 10/2010 (*không xác định được thời gian cụ thể*), Th

đi xe ô tô trên đến gặp anh Trần Đức B, thôn C, xã T, huyện Phù Cù. Tại đây, Th đặt vấn đề vay 200.000.000 đồng của anh B để sử dụng vào việc Th quyết toán tiền vật liệu xây dựng nhưng anh B không có tiền cho Th vay nên Th đã nhờ anh B đưa xe đi cầm cố. Anh B đưa Th đến cửa hiệu cầm đồ của ông Trần Đoàn L4 thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù. Khi đến nơi, anh B bảo Th vào gặp ông L4 để cầm cố tài sản thì Th nói với anh B về việc Th đang nợ tiền ông L4 từ mấy năm trước nên nếu Th trực tiếp vào gặp thì ông L4 sẽ không cầm cố tài sản của Th nên Th nhờ anh B cầm cố hộ xe ô tô trên. Nên anh B đồng ý và điều khiển xe ô tô đến cầm cho ông L4 để vay 150.000.000 đồng với mức lãi suất là 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày (*tức 54%/ 01 năm*), anh B đã viết Giấy vay tiền đưa cho ông L4 quản lý để làm căn cứ thanh toán nợ với nhau (*hiện ông L4 đã làm thất lạc*), anh B đã đưa lại cho Th số tiền 150.000.000 đồng. Do Th bỏ trốn nên anh B đã thanh toán xong khoản nợ 150.000.000 đồng trên cho ông L4.

Hết hạn thuê xe không thấy Th mang đến trả nên bà O đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Mỹ Hào về vụ việc trên.

Đến ngày 28/10/2010, ông L4 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Hào 01 xe ô tô có biển số 89K - 96xx kèm theo giấy tờ xe (*gồm: 01 bản photocopy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT7BVMT PTGTCGDB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô*). Ngày 28/01/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Mỹ Hào đã trả lại cho bà O xe ô tô trên.

Ngày 16/9/2010, Th tiếp tục đến gặp bà O thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda có biển số 89K – 76xx với giá tự thỏa thuận là 700.000 đồng/ngày, thời hạn thuê xe từ ngày 16/9/2010 đến 11/10/2010, Th đã đặt cọc tiền thuê xe là 30.000.000 đồng; bà O đã giao cho Th xe ô tô kèm theo giấy tờ xe (*gồm: 01 bản photocopy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT7BVMT PTGTCGDB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô*). Đến ngày 16/10/2010, Th đi xe ô tô trên đến cửa hiệu cầm đồ Tiến Dũng của anh Trương Văn L ở thôn B, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tại đây, Th nói với anh L về việc Th sẽ để lại xe ô tô có biển số 89K – 76xx để lấy xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning có biển số 89L – 68xx mà Th cầm cố để vay 165.000.000 đồng của anh L vào ngày 07/10/2010 mang về để Th bán lấy tiền trả khoản nợ 165.000.000 đồng cho anh L nên anh L đồng ý. Ngay sau đó, Th đã thế chấp 04 bộ hồ sơ chủ xe ô tô tự quản lý (*gồm hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước và tờ khai lệ phí trước bạ*) của 04 chiếc xe ô tô có biển số 89L – 13xx; 89L – 13xx; 89L – 11xx; 89L – 13xx; 01 đăng ký số 002677 của xe ô tô có biển số 89L – 13xx (*đăng ký giả*), để vay 550.000.000 đồng của anh L (*hai bên không thỏa thuận cụ thể với nhau về việc Th thế chấp mỗi bộ hồ sơ, đăng ký xe ô tô trên để vay bao nhiêu tiền*), lãi suất vay tự thỏa thuận là 1000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (*tức 36%/ 01*

năm), thời hạn thanh toán nợ là 14 ngày; Th đã ký tên vào mục người vay trong mẫu Hợp đồng cầm đồ rồi đưa cho anh L quản lý. Sau đó Th không thực hiện như cam kết mà bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 24/02/2011, anh L đã giao nộp: 01 xe ô tô có biển số 89K-76xx kèm theo giấy tờ xe (01 bản photocopy đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT7BVMT PTGTCTGĐB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô); Ngày 06/4/2011, anh L tiếp tục giao nộp 04 bộ hồ sơ chủ xe ô tô tự quản lý, 01 đăng ký xe ô tô số 002677 và bản photocopy Hợp đồng cầm đồ (ký hiệu A8; bản chính anh L đã làm thất lạc) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Hào. Ngày 11/3/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Hào đã trả lại cho bà O xe ô tô biển số 89K-76xx. Ngày 7/8/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã trả lại Ngân hàng 04 bộ hồ sơ chủ xe ô tô tự quản lý trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53 ngày 23/11/2010 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỹ Hào, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti màu đen BKS: 89K – 96xx, sản xuất năm 2009 có giá trị còn lại là 359.040.000 đồng.*

Tại Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 17/3/2011 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỹ Hào, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Mazda Premacy BKS: 89K – 76xx, sản xuất năm 2003 có giá trị còn lại là 280.000.000 đồng.*

Tại Bản kết luận giám định số 74/PC54 ngày 30/5/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên (đối với đăng ký xe ô tô số 002677), kết luận: *Đăng ký xe ô tô số 002677, tên chủ xe Nguyễn Văn Th, địa chỉ: xã M - Phù Cừ - Hưng Yên, biển số đăng ký 89L – 13xx là đăng ký giả. Giả bằng cách in phôi tô màu hai mặt của đăng ký thật sau đó cắt ra dán hai mặt lại và ép plastic.*

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim O là bị hại đối với xe ô tô 89K-96xx và xe 89K-76xx yêu cầu Th phải thanh toán tiền thuê xe ô tô là 206.400.000 đồng, trước đó Th đã đặt cọc và thanh toán 50.000.000 đồng, Th còn phải thanh toán cho bà O là 157.300.000 đồng. Anh Trần Đức B là người có quyền lợi liên quan đến xe ô tô 89K-96xx yêu cầu Th trả khoản tiền 150.000.000 đồng. Anh Trương Văn L là bị hại đối với 04 bộ hồ sơ xe ô tô tự quản và là người có quyền lợi liên quan đối với xe ô tô 89K-76xx yêu cầu Th phải trả tổng số 715.000.000 đồng. Bà O, anh B và anh L đều yêu cầu xử lý Th theo quy định của pháp luật.

2.Xe ô tô 34K – 83xx:

Khoảng 13 giờ ngày 17/9/2010, Nguyễn Văn Th đến cơ sở dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái của ông Phạm Văn Ng ở phố Phạm Ngũ Lão, thành phố Hưng Yên ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Nubira có biển số 34K – 83xx với giá là 500.000 đồng/01 ngày, thời hạn thuê là 01 tháng. Ông Ng đã giao cho Th xe ô tô trên kèm theo giấy tờ xe (gồm: 01 đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATKT7BVMT PTGTCTGĐB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô). Đến ngày 24/9/2010, Th đi xe ô tô trên đến nhà vợ chồng anh chị

Đình Văn T3 và Nguyễn Thị H3, thôn Y, xã T, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Tại đây, Th nói với vợ chồng anh chị T3 về việc Th đang cần vốn để làm công trình nên muốn thế chấp cầm cố xe ô tô trên để vay 120.000.000 đồng trong thời gian khoảng 10 ngày. Do tin tưởng Th là người quen nên vợ chồng anh chị T3 đã đồng ý cho Th vay tiền nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, Th đã ký tên vào mục người vay trong mẫu Giấy chứng nhận vay tiền rồi đưa cho chị H3 quản lý. Nhưng Th không thực hiện theo cam kết mà bỏ trốn.

Còn ông Ng không thấy Th trả xe và không gặp, liên lạc được với Th nên đến ngày 29/10/2010 đã gửi Đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hưng Yên tố cáo Th về hành vi trên và giao nộp bản photocopy Hợp đồng thuê xe ô tô biển số 34K-83xx (ký hiệu A18, bản gốc đã bị thất lạc); ngày 14/01/2011, con trai ông Ng là anh Phạm Văn D đã đến gặp vợ chồng anh chị H3 chuộc lại xe ô tô trên với giá 120.000.000 đồng; Chị H3 đã giao nộp bản photocopy Giấy chứng nhận vay tiền trên (ký hiệu A19, bản gốc đã bị thất lạc).

Tại Kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá số 100 ngày 30/12/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Nubira 05 chỗ, màu xanh đen, BKS: 34K – 83xx, sản xuất năm 2002 trị giá 203.000.000 đồng.*

Về trách nhiệm dân sự: ông Phạm Văn Ng là bị hại chết ngày 11/4/2020, đại diện của bị hại là anh Phạm Văn D yêu cầu Th phải trả số tiền 120.000.000 đồng là tiền chuộc xe và xử lý nghiêm khắc Th trước pháp luật. Chị Nguyễn Thị H3 là người có quyền lợi liên quan do đã nhận đủ tiền của anh D nên không có yêu cầu đề nghị gì.

3. 02 xe ô tô 30S – 32xx và 30N – 54xx:

Khoảng 8 giờ ngày 30/9/2010, Nguyễn Văn Th ký hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz biển số 30S – 32xx của ông Lê Ngọc Kh, cư trú Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên (*là giám đốc Doanh nghiệp tư nhân*) với giá 500.000 đồng/01 ngày. Ông Kh đã giao cho Th xe ô tô trên cùng giấy tờ xe (gồm: *01 bản photocopy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, 01 giấy đăng ký chứng nhận của Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Hưng Yên, 01 giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMPTGTCGDB*). Sau đó mấy ngày, Th đi xe ô tô trên đến nhà bạn là anh Vũ Văn Nh, thôn T, xã Đ, huyện Ân Thi nói với anh Nh về việc Th đang thi công công trình nhưng gặp khó khăn về vốn muốn thế chấp, cầm cố chiếc xe ô tô để vay 35.000.000 đồng hẹn thời gian trong vài ngày, anh Nh đồng ý và không lấy tiền lãi, hai bên không viết giấy biên nhận. Đến ngày 02/11/2010, ông Kh tự đến gặp anh Nh chuộc xe ô tô trên với giá tiền 35.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/10/2010, Th tiếp tục đến gặp ông Kh thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti có biển số: 30N – 54 xx với giá 500.000

đồng/01 ngày; ông Kh đã giao cho Th xe ô tô cùng giấy tờ xe (gồm: 01 bản photocopy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMT PTGT CGDB, 01 giấy đăng ký chứng nhận của Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Hưng Yên). Sau 06 ngày, ngày 07/10/2010, Th đi xe ô tô trên đến nhà người quen là ông Hà Trung S, thôn Y, xã G, huyện Yên Mỹ thế chấp, cầm cố để vay số tiền 70.000.000, thời hạn vay từ ngày 20/10/2010 đến ngày 30/10/2010, Th ký tên vào mục người vay tiền trong Giấy chứng nhận xin vay tiền.

Đến ngày 08/10/2010, Th tiếp tục vay của ông S 130.000.000 đồng, thời hạn thanh toán nợ là ngày 18/10/2010, Th đã tự viết và ký tên vào mẫu Giấy chứng nhận xin vay tiền rồi đưa cho ông S quản lý. Cả hai lần vay tiền trên, hai bên đều thỏa thuận không tính lãi, sau khi vay được tiền Th đã bỏ trốn. Đến ngày 20/12/2010, ông Kh đã tự đến gặp ông S và chuộc xe ô tô trên với giá 40.000.000 đồng; còn ông S giao nộp 02 bản photocopy Giấy chứng nhận xin vay tiền trên (ký hiệu A4, A5).

Bản kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên, kết luận: xe ô tô 30S-32xx có trị giá 306.900.000 đồng; xe ô tô 30N-54xx có trị giá 327.250.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Ngọc Kh là bị hại chỉ yêu cầu Th phải trả khoản tiền 75 triệu đồng tiền chuộc xe và không đề nghị gì khác. Ông Hà Trung S là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th phải trả khoản tiền 160 triệu đồng và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Xe ô tô 33H – 78xx:

Ngày 03/10/2010, Nguyễn Văn Th đến Cơ sở dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái của anh Bùi Trọng Đ ở đường Điện Biên thành phố Hưng Yên, ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu Daewoo Lanos-sx biển số 33H – 78xx thời hạn thuê xe đến ngày 12/10/2010 với giá 400.000 đồng/01 ngày; Th đặt cọc trước tiền thuê xe là 5.000.000 đồng. Đến ngày 11/10/2010 Th điều khiển xe ô tô trên đến nhà bạn là ông Đặng Đình C sinh ở thôn L, xã T, huyện Ân Thi. Tại đây, Th nói chuyện với ông C về việc Th đang thi công công trình nhưng gặp khó khăn về vốn nên muốn vay “nóng” 105.000.000 đồng của ông C trong thời gian một vài ngày, ông C đồng ý cho Th vay số tiền trên, không lấy tiền lãi suất và không phải thế chấp tài sản, Th tự viết Giấy vay tiền đưa cho ông C quản lý đồng thời Th gửi lại ông C chiếc xe ô tô biển số 33H – 78xx (bên trong xe có 01 giấy chứng nhận kết hôn của Th; 01 giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS, 01 giấy khai sinh, 01 quyển học bạ THCS và 01 giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học đều mang tên con gái Th; 01 bằng tốt nghiệp THCS, 01 bằng tốt nghiệp THPT, 01 chứng chỉ văn phòng trình độ B và 01 phiếu nhập học hệ chính quy khóa 4 đều mang tên con gái Th). Đến ngày 12/10/2010, ông C không thấy Th đến trả tiền và lấy xe ô tô về nên ông C đã gọi điện thoại cho Th đòi tiền thì Th khát nợ, hẹn đến chiều cùng ngày

sẽ về gặp, trả tiền; đồng thời Th nhờ ông C mang xe ô tô trên đến gửi ở nhà bạn Th là anh Vũ Văn Nh nên ông C đã mang xe ô tô trên đến gửi tại nhà anh Nh. Sau đó Th đã bỏ trốn mà không trả tiền cho ông C và không đến nhà anh Nh lấy xe ô tô về.

Hết thời hạn thuê xe nhưng anh Đ không thấy Th trả xe nên ngày 27/10/2010, anh Đ đã làm Đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hưng Yên tố cáo Th về hành vi trên và giao nộp Hợp đồng thuê ô tô tự lái (ký hiệu A17). Cùng ngày 27/10/2010, anh Nh đã giao nộp xe ô tô có biển số 33H – 78xx cùng các giấy tờ của Th để ở trong xe, còn ông C giao nộp bản photocopy Giấy vay tiền trên (ký hiệu A16, ông C đã làm thất lạc bản gốc).

Tại bản kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá tài sản số 82 ngày 01/11/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Daewoo loại Lanos - SX, BKS: 33H – 78xx, đèn hậu bên trái bị vỡ, đã qua sử dụng trị giá 172.000.000 đồng.*

Ngày 05/11/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hưng Yên trả lại anh Đ chiếc xe ô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Đình C là bị hại yêu cầu Th phải trả ông số tiền 105.000.000 đồng. Việc Th gửi xe nhà ông C là quan hệ dân sự. Anh Bùi Trọng Đ là người có quyền lợi liên quan do đã nhận được xe nên không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Ông C và anh Đ đều đề nghị xử lý nghiêm Th theo quy định của pháp luật.

5. Xe ô tô 89L – 06xx:

Khoảng 09 giờ ngày 12/10/2010, Nguyễn Văn Th đến gặp anh Vũ Trọng L ở thôn Đ, xã T, thành phố Hưng Yên (là Giám đốc Công ty TNHH du lịch T-L) ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu KIA MORNING biển số 89L – 06xx, thời hạn thuê từ ngày 12/10/2010 đến ngày 15/10/2010 với giá 400.000 đồng/01 ngày; anh L đã bàn giao cho Th xe ô tô trên cùng giấy tờ xe (gồm: 01 bản sao đăng ký xe ô tô, 01 Giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMPTGTCTGĐB và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô). Đến ngày 19/10/2010, Th điều khiển xe ô tô trên đến nhà bà Trịnh Thị T2 ở Phô M, xã G, huyện Yên Mỹ. Tại đây, Th nói với bà T về việc Th đang làm công trình nhưng thiếu vốn nên muốn thế chấp xe ô tô trên cùng giấy tờ xe để vay bà T2 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 29/10/2010. Bà T2 đồng ý và không tính lãi suất của khoản nợ trên, Th đã tự viết Giấy vay tiền (ký hiệu A14) đưa cho bà T2 quản lý rồi ra về. Sau đó Th đã bỏ trốn mà không quay lại thanh toán nợ và chuộc xe về như cam kết với bà T2.

Anh L không thấy Th trả xe nên nhiều lần đi tìm và gọi điện thoại cho Th nhưng đều không gặp và liên lạc được nên đã gửi Đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hưng Yên tố cáo Th về hành vi trên và giao nộp Hợp đồng

kinh tế về việc cho thuê xe tự lái (ký hiệu A1). Sau đó, anh L tự tìm hiểu và được biết về việc Th đã thế chấp xe ô tô vay tiền của bà T2. Đến ngày 29/12/2010 anh L đã đến gặp bà T2 và chuộc lại xe ô tô trên với số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hưng Yên, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning màu xanh, biển số: 89L - 06xx có trị giá là 214.000.000 đồng.*

Tại Bản kết luận giám định số 97/PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đối với Hợp đồng kinh tế về việc cho thuê xe tự lái (ký hiệu A1) và Giấy vay tiền (ký hiệu A14) là do Nguyễn Văn Th ký.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Trọng L là bị hại yêu cầu Th phải trả khoản tiền chuộc xe là 40.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị T2 là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th phải thanh toán trả 60.000.000 đồng. Anh L và bà T2 đều đề nghị xử lý Th theo quy định của pháp luật.

6-Xe ô tô 89L – 10xx:

Khoảng 11 giờ ngày 22/10/2010, Nguyễn Văn Th đi xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva có biển số: 26F1- 68xx đến gặp anh Hoàng Văn H1 ở thôn L, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (*là giám đốc Công ty TNHH vận tải hàng hóa và du lịch H-C*) ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu KIA Morning có biển số 89L – 10xx, thời gian thuê từ ngày 22/10/2010 đến 31/10/2010, với giá tiền 500.000 đồng/01 ngày. Sau khi ký hợp đồng thuê xe, anh H1 giao xe ô tô trên cho Th kèm theo 01 giấy chứng nhận kiểm định ATK7BVMT PTGTCTGB (*bản chính*), 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (*bản chính*) và 01 bản photocopy đăng ký xe ô tô có đóng dấu công ty còn Th để lại xe mô tô biển số 26F1- 68xx, 01 chứng minh thư nhân dân số 145092899 (*bản photocopy*), 01 giấy phép lái xe phô tô số AH012880 đều mang tên Nguyễn Văn Th và 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N-H. Đến ngày 22/10/2010, Th đi xe ô tô trên đến gặp anh Đặng Văn T3 ở thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, là người quen. Tại đây Th đã cầm cố xe ô tô trên và vay 100.000.000 đồng của anh T3, thời hạn vay là 02 ngày và không tính lãi suất. Sau đó Th đã bỏ trốn mà không trả xe ô tô cho anh H1 và không trả nợ cho anh T3 nên các anh H1 và T3 đã làm Đơn gửi Cơ quan Công an tố cáo Th về hành vi trên. Đến ngày 03/11/2010, anh H1 giao nộp Hợp đồng kinh tế về việc cho thuê xe tự lái trên (*ký hiệu A6*), 01 xe mô tô có biển số 26F1 – 68xx và các giấy tờ của Th đã đưa cho anh H1 khi thuê chiếc xe ô tô trên; Ngoài ra, ngày 01/5/2011 anh H1 đã đến gặp anh T3 chuộc lại xe ô tô trên với số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hưng Yên đối với xe ô tô có biển số 89L – 10xx, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning màu trắng BKS: 89L – 10xx có trị giá là 256.000.000 đồng.*

Tại Bản kết luận giám định số 97/PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đối với Hợp đồng kinh tế về việc cho thuê xe tự lái (ký hiệu A6) kết luận: chữ viết và chữ ký là của Nguyễn Văn Th.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva có biển số 26F1- 68xx, quá trình điều tra xác định: Là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Đặng Thị Nh1 (là vợ Th đã ly hôn), chị Nh1 không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Th.

Về trách nhiệm dân sự: anh Hoàng Văn H1 là bị hại yêu cầu Th phải trả 50.000.000 đồng tiền chuộc xe; anh Đặng Văn T3 là người có quyền lợi liên quan yêu cầu Th phải trả 50.000.000 đồng. Anh H1 và anh T3 đều đề nghị xử lý Th theo quy định của pháp luật.

Như vậy hành vi lừa đảo của Th cụ thể như sau:

+ 02 xe ô tô của ông Lê Ngọc Kh: 30S-32xx trị giá 306.900.000 đồng và 30N-54xx trị giá 327.900.000 đồng;

+ 02 xe ô tô của bà Nguyễn Thị Kim O: 89K-96xx trị giá 359.040.000 đồng và 89K-76xx trị giá 280.000.000 đồng;

+ 01 xe ô tô của ông Phạm Văn Ng: 34K-83xx trị giá 203.000.000 đồng;

+ Số tiền 105.000.000 đồng của ông Đặng Đình C;

+ 01 xe ô tô của Vũ Trọng L: 89L-06xx trị giá 214.000.000 đồng;

+ 01 xe ô tô của anh Hoàng Văn H1: 89L-10xx trị giá 256.000.000 đồng;

+ 04 bộ hồ sơ xe ô tô thế chấp cho anh Trương Văn L lấy số tiền 550.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Th đã lừa đảo chiếm đoạt là 2.601.840.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt Nguyễn Văn Th đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 04 tháng 01 năm 2011 Cơ quan điều tra có Quyết định truy nã số 03 đối với Nguyễn Văn Th. Đến ngày 01/4/2021, Cơ quan điều tra bắt được Nguyễn Văn Th tại xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định truy nã trên.

Cáo trạng số 64/CT-VKS-P2; ngày 25/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn Th thành khẩn nhận tội, ăn năn hối lỗi, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố H, bà Hoàng Thị Thu H đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật; Về phần trách nhiệm dân sự đề nghị Tòa tách

ra để giải quyết bằng vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại.

Chị Nguyễn Thị L1 đề nghị Tòa giải quyết Ngân hàng phải trích cho gia đình chị một phần tiền thanh lý xe ô tô bằng 174 triệu; Số tiền còn lại 189 triệu đồng chị yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường.

Ông Hà Trung S yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường cho anh 320 triệu đồng.

Chị Lê Thị L3 xác định bị cáo Th đã bán cho vợ chồng chị nhà và đất của Th ở thôn N xã M, hiện nay anh Nguyễn Văn T4 chồng chị bỏ đi làm ăn sinh sống ở nơi khác, chị không biết địa chỉ của anh, chị không đồng ý để Ngân hàng phát mại nhà đất mà vợ chồng chị đã mua của Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Nguyễn Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2001/HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 41/2017/QH-14 ngày 20/06/2017. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th từ 14 đến 15 năm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 13 đến 14 năm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung từ 27 đến 29 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47; 48 Bộ luật hình sự. Điều 466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 3; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Buộc bị cáo Th phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại, người có quyền lợi liên quan. Ghi nhận đề nghị của Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H về việc tách phần dân sự có liên quan đến các Hợp đồng tín dụng để giải quyết bằng vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại khác.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Th 01 Chứng minh thư nhân dân; 01 Giấy đăng ký kết hôn mang tên Nguyễn Văn Th; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Giấy khai sinh; 01 Quyền học bạ trung học cơ sở; 01 Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học (đều mang tên Nguyễn Thị Thảo Ng); 01 Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Chứng chỉ tin học văn phòng, trình độ B; 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; 01 Phiếu nhập học hệ chính quy khóa 4 (đều mang tên Nguyễn Thị Thu H); Trả lại cho chị Đặng Thị Nh1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, sơn màu xanh đã cũ, BKS 26F1 – 68xx. Cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án 03 đăng ký xe ô tô giả, BKS: 89L – 11xx, 89L – 13xx, 89L – 13xx.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Với động cơ mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để thanh toán công nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn Th đã lợi dụng danh nghĩa là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại N-H và mối quan hệ quen biết từ trước để đưa ra các thông tin gian dối không đúng sự thật rồi chiếm đoạt tài sản hoặc sau khi thuê được xe ô tô tự lái của các Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoặc được giao quản lý tài sản sau khi thế chấp xe ô tô để vay vốn tại ngân hàng, Nguyễn Văn Th đã mang xe ô tô thế chấp, cầm cố lấy tiền rồi bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể:

[2.1]. Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Bị cáo đã lợi dụng chủ trương của Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H, khi thế chấp xe ô tô để vay vốn Ngân hàng thì Ngân hàng chỉ quản lý bản chính đăng ký xe ô tô còn xe ô tô và bản sao đăng ký xe giao cho chủ xe quản lý sử dụng. Ngày 14/8/2009 và ngày 05/10/2010 Nguyễn Văn Th thế chấp xe ô tô BKS: 89K-70xx; 89L-11xx và 89L-13xx tại Ngân hàng để vay tiền. Sau đó bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đem thế chấp, cầm cố chiếc xe BKS: 89K-70xx cho ông Hà Trung S để vay 160.000.000đ và thế chấp 02 chiếc xe BKS: 89L-11xx và BKS: 89L-13xx cho chị Nguyễn Thị L1 để vay 363.000.000đ. Theo qui định của pháp luật thì bị cáo chỉ có quyền khai thác công dụng, hưởng lợi tức từ tài sản thế chấp mà không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, thế chấp; bị cáo chỉ được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, thế chấp cho người khác nếu được Ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố H đồng ý. Mặc dù không được sự đồng ý của Ngân hàng nhưng bị cáo vẫn đem xe ô tô cầm cố, thế chấp lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Bị cáo lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của ông Lê Ngọc Kh đối với bị cáo nên bị cáo đã ký hợp đồng thuê xe tự lái chiếc xe ô tô BKS: 29S-60xx theo tháng, tiền thuê xe là 12 triệu đồng/tháng, ông Lê Ngọc Kh đã giao xe cùng các giấy tờ xe cho bị cáo. Bị cáo sử dụng xe được khoảng 8 tháng, do làm ăn thua lỗ bị cáo đã đem xe đi thế chấp cho anh Nguyễn Đình H2 để vay 50.000.000đ trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Sau khi thế chấp và cầm cố các tài sản trên do không trả được tiền và xe Nguyễn Văn Th đã bỏ trốn để chiếm đoạt.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức được hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của Ngân hàng, của ông Lê Ngọc Kh giao cho bị cáo quản lý xe ô tô bị cáo đã đem cầm cố 04 chiếc xe ô tô để vay tiền là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền để trang trải nợ nần, chi tiêu cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện sau đó bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Như vậy sau khi nhận tài sản thông qua hình thức giao dịch hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê xe ô tô tự lái bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản rồi bằng thủ đoạn gian dối, bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của bị cáo thỏa mãn yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trị giá 869.680.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên áp dụng khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 41/2017/QH-14 ngày 20/06/2017, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội Lạm dụng chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo:

Ngày 15/09/2010 và ngày 16/09/2010 Nguyễn Văn Th thuê 02 chiếc xe ô tô BKS 89K-96xx; 89K-76xx của bà Nguyễn Thị Kim O sau đó đem cầm cho anh Trần Đoàn L4 chiếc xe 89K-96xx vay 150.000.000đ và cầm cho anh Trương văn L chiếc xe 89K-76xx để vay 165.000.000đ; Ngoài ra còn thế chấp 04 bộ hồ sơ xe tự quản cho anh Trương Văn L để lấy số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 30/9/2010 và ngày 01/10/2010 Nguyễn Văn Th thuê 02 xe ô tô tự lái BKS 30S-32xx và 30N-54xx của ông Lê Ngọc Kh rồi mang đi thế chấp cầm cho anh Vũ Văn Nh xe 30S-32xx để vay 35.000.000 đồng; cầm cho ông Hà Trung S xe 30N – 54xx vay 200.000.000 đồng. Ngày 17/9/2010 Nguyễn Văn Th thuê xe ô tô tự lái BKS: 34K-83xx của ông Phạm Văn Ng rồi đem cầm cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H3 vay 120.000.000 đồng. Ngày 22/10/2010 Nguyễn Văn Th thuê xe ô tô tự lái BKS: 89L-10xx của anh Hoàng Văn H1 rồi đem cầm cho anh Đặng Văn T3 vay 100.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian rất ngắn từ 15/09/2010 đến 22/10/2010 bị cáo Nguyễn Văn Th đã thuê 08 chiếc xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại nhưng thực tế không phải thuê xe để làm phương tiện đi lại, mà sau khi thuê được xe một thời gian ngắn bị cáo đã đem xe ô tô đi cầm cố, thế chấp để vay tiền; thậm trí có chiếc xe ngay sau khi nhận xe bị cáo đã đem xe đi cầm cho người khác để vay tiền. Bị cáo đều đưa ra thông tin gian dối là xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo và bị cáo chỉ cầm xe một thời gian sẽ trả tiền vay rồi nhận lại xe nhưng rồi bị cáo đều không thực hiện như cam kết. Như vậy phải xác định bị cáo có ý định chiếm đoạt

tài sản trước rồi mới dùng thủ đoạn gian dối thông qua hình thức thuê xe ô tô tự lái để chiếm được tài sản của những người bị hại. Hành vi của bị cáo thỏa mãn yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Th đã chiếm là 2.601.840.000đ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên áp dụng khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 41/2017/QH-14 ngày 20/06/2017, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi làm giả 05 đăng ký xe ô tô của bị cáo Nguyễn Văn Th xảy ra vào các năm 2009 và 2010 đã đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, được quy định tại khoản 2, Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay quy định tại khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015) đều có khung hình phạt từ 02 năm đến 05 năm thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Th. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với Th về hành vi trên là có căn cứ.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự trị an xã hội; gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của những người bị hại. Vì vậy cần xét xử vụ án nghiêm minh, dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, có bố đê được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Th là rất nghiêm trọng, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo Th đã liên tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội và phạm nhiều tội, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là rất lớn, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra giải quyết vụ án. Nên cần xử bị cáo

mức hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

Do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Th đã gây thiệt hại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H ; ông Lê Ngọc Kh ; bà Nguyễn Thị Kim O; anh Trương Văn L ; ông Phạm Văn Ng ; ông Đặng Đình C; anh Vũ Trọng L; anh Hoàng Văn H1; ông Hà Trung S ; chị Nguyễn Thị L1; anh Nguyễn Đình H2 ; anh Trần Đức B ; bà Trịnh Thị T2 và anh Đặng Văn T3 nên những người bị hại, người có quyền lợi liên quan yêu cầu bị cáo Th phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại mà bị cáo gây ra cho những người bị hại, người có quyền lợi liên quan là có cơ sở.

* Đối với thiệt hại của Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2401LAV200902130 ngày 03/07/2009 và Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201002321 ngày 07/10/2010 giữa Công ty TNHH xây dựng và Thương mại N-H do Nguyễn Văn Th là Giám đốc và Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H thì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty N-H vay 1.700.000.000đ ; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 276 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn N xã M, huyện Phù Cừ cùng 05 chiếc xe ô tô. Cơ quan cảnh sát điều tra mới thu hồi được 03 chiếc xe ô tô BKS 89K-70xx ; 89L-11xx ; 89L-13xx. Ngày 21/9/2021 Ngân hàng đã bán đấu giá 03 xe này được 797.366.000đ. Đến nay Công ty TNHH xây dựng và Thương mại N-H do Nguyễn Văn Th là Giám đốc còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.783.480.337đ00; trong đó dư nợ gốc 996.932.318đ00 ; Lãi đến ngày 20/08/2020 là 786.548.019đ00. Tuy nhiên do nhà đất mà Th thế chấp cho Ngân hàng đang có sự tranh chấp giữa Th và vợ chồng chị Lê Thị L3 (anh trai Th) và 05 chiếc xe ô tô Th thế chấp cho Ngân hàng mới thu hồi được 03 chiếc xe ; còn 02 chiếc theo Th khai Th cho anh Trần Văn H4 ở xã Đ, huyện Ân Thi mượn. Hiện nay anh H4 đã chết (do tai nạn giao thông), anh T4 (anh trai Th) hiện không có mặt ở địa phương không rõ địa chỉ. Trong khi Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được việc chuyển nhượng nhà đất giữa bị cáo Th và vợ chồng anh T4 cũng như việc bị cáo cho anh H4 mượn xe nên không thể xử lý được tài sản thế chấp. Cho nên đại diện Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tách phần dân sự liên quan đến hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng để giải quyết bằng một vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp. Hội đồng xét xử sẽ tách phần dân sự liên quan đến các hợp đồng tín dụng giữa Công ty N-H và Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố H để giải quyết bằng vụ án tranh chấp Hợp đồng kinh tín dụng.

* Đối với thiệt hại của ông Lê Ngọc Kh ; bà Nguyễn Thị Kim O; anh Trương Văn L ; ông Phạm Văn Ng ; ông Đặng Đình C; anh Vũ Trọng L; anh

Hoàng Văn H1; ông Hà Trung S; chị Nguyễn Thị L1 ; anh Nguyễn Đình H2 ; anh Trần Đức B; bà Trịnh Thị T2 và anh Đặng Văn T3:

- Việc bị cáo Th thế chấp xe ô tô BKS 89K-70xx cho ông Hà Trung S để vay 160.000.000 đồng do việc giao dịch thế chấp tài sản để vay tiền bị vô hiệu nên bị cáo phải bồi thường trả cho ông Hà Trung S số tiền 160.000.000 đồng.

- Đối với việc bị cáo Th mang 02 xe ô tô BKS: 89L-11xx; và 89L-13xx (đã thế chấp cho Ngân hàng) đem bán cho vợ chồng chị Nguyễn Thị L1, thực chất là thế chấp để vay 363.000.000 đồng, do việc giao dịch mua bán xe ô tô vô hiệu nên bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L1, 363.000.000 đồng.

- Việc bị cáo Th đem chiếc xe ô tô BKS 29S-60xx và giấy tờ xe làm tài sản đảm bảo để vay 50.000.000 của anh Nguyễn Đình H2 là vô hiệu nên bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình H2, 50.000.000 đồng.

- Đối với 02 xe ô tô BKS 30S-32xx và 30N-54xx, Bị cáo thuê của ông Lê Ngọc Kh rồi đem đi thế chấp, cầm cố cho anh Vũ Văn Nh, ông Hà Trung S để vay tiền là vô hiệu nên bị cáo phải bồi thường cho ông Lê Ngọc Kh số tiền 75.000.000 đồng và bị cáo bồi thường cho ông Hà Trung S số tiền 160.000.000 đồng.

- Đối với 02 xe ô tô BKS 89K-96xx và 89K-76xx, bị cáo thuê của bà Nguyễn Thị Kim O rồi đem cầm cố cho Trần Đoàn L4, anh Trương Văn L nên giao dịch cầm tài sản để vay tiền vô hiệu. Việc bị cáo Th thế chấp 04 bộ hồ sơ chủ xe ô tô tự quản lý của 04 chiếc xe ô tô có biển số 89L – 13xx; 89L – 13xx; 89L – 11xx; 89L – 13xx, ngoài ra còn có 01 đăng ký số 002677 của xe ô tô có biển số 89L – 13xx (*đăng ký giả*), để vay 550.000.000 đồng của anh L, do những xe ô tô này thuộc quyền Ngân hàng quản lý nên hợp đồng này vô hiệu. Nên bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Đức B số tiền 150.000.000 đồng, anh Trương Văn L số tiền 715.000.000 đồng. Đồng thời phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị Kim O 157.300.000 đồng (tiền thuê xe) mà bị cáo chưa thanh toán cho bà O.

- Đối với xe ô tô 34K-83xx bị cáo thuê của ông Phạm Văn Ng rồi đem thế chấp cầm cố vay 120.000.000 của vợ chồng chị Nguyễn Thị H3 là vô hiệu. Nên bị cáo phải bồi thường cho ông Phạm Văn Ng do anh Phạm Văn D đại diện 120.000.000 (đây là số tiền bị cáo vay anh D đã trả cho vợ chồng chị H3).

- Đối với chiếc xe ô tô BKS 33H-78xx bị cáo Th thuê của anh Bùi Trọng Đ sau đó để lại chiếc xe để vay của ông Đặng Đình C 105.000.000 đồng, Anh Bùi Trọng Đ đã nhận xe và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Ông C yêu cầu bị cáo Th phải trả ông số tiền 105.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với chiếc xe ô tô BKS 89L-06xx bị cáo Th thuê của anh Vũ Trọng L đem thế chấp cho bà Trịnh Thị T2 để vay 100.000.000 đồng. Sau đó anh L đã trả cho bà T2, 40.000.000 đồng và lấy xe về. Do hợp đồng bị vô hiệu nên bị cáo phải

bồi thường cho anh L số tiền 40.000.000 đồng và bồi thường cho bà Trịnh Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng.

- Đối với xe ô tô BKS 89L-10xx bị cáo thuê của anh Hoàng Văn H1 đem cầm cố vay của anh Đặng Văn T3 số tiền 100.000.000 đồng, hợp đồng này bị vô hiệu. Nên bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng (đây là số tiền anh H1 trả cho anh T3 để lấy xe về) và bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng Văn T3 số tiền 50.000.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Th một số giấy tờ và chiếc xe mô tô. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, sơn màu xanh đã cũ, BKS 26F1 – 68xx là của chị Đặng Thị Nh1, chị Nh1 không biết việc bị cáo sử dụng xe vào việc phi pháp nên trả lại xe cho chị Nh1.

Đối với một số giấy tờ như: 01 Chứng minh thư nhân dân; 01 Giấy đăng ký kết hôn mang tên Nguyễn Văn Th; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Giấy khai sinh; 01 Quyền học bạ trung học cơ sở; 01 Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học (đều mang tên Nguyễn Thị Thảo Ng); 01 Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Chứng chỉ tin học văn phòng, trình độ B; 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; 01 Phiếu nhập học hệ chính quy khóa 4 (đều mang tên Nguyễn Thị Thu H) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 03 đăng ký xe ô tô giả, BKS: 89L – 11xx, 89L – 13xx, 89L – 13xx là chứng cứ của vụ án nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[2]. Về hình phạt: Áp dụng tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 41/2017/QH-14 ngày 20/06/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2001/HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 14 (mười bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 13 (mười ba) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chấp hành hình phạt chung

cho cả 2 tội là 27 (hai mươi bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/4/2021.

[3]. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 122; Điều 124; Điều 127; Khoản 2 Điều 468, Điều 584; Điều 585 của Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận đề nghị của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh thành phố H tách phần dân sự có liên quan đến các Hợp đồng tín dụng số : 2401LAV200902130 ngày 03/07/2009 và Hợp đồng tín dụng số 2401LAV201002321 ngày 07/10/2010 giữa Công ty TNHH xây dựng và Thương mại N-H do bị cáo Nguyễn Văn Th là Giám đốc và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh thành phố H để Ngân hàng khởi kiện bằng vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng khác.

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho ông Hà Trung S số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L1 số tiền 363.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Nguyễn Đình H2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả cho ông Lê Ngọc Kh số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi năm triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 157.300.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm nghìn).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Trần Đức B số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Trương Văn L số tiền 715.000.000 đồng (bảy trăm mười năm triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho ông Phạm Văn Ng do anh Phạm Văn D đại diện số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả cho ông Đặng Đình C số tiền 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Vũ Trọng L số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho bà Trịnh Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Hoàng Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

- Bị cáo Nguyễn Văn Th phải hoàn trả cho anh Đặng Văn T3 số tiền

50.000.000 đồng (năm mươi triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ và cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Th 01 Chứng minh thư nhân dân; 01 Giấy đăng ký kết hôn mang tên Nguyễn Văn Th; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Giấy khai sinh; 01 Quyền học bạ trung học cơ sở; 01 Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học (đều mang tên Nguyễn Thị Thảo Ng); 01 Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 Chứng chỉ tin học văn phòng, trình độ B; 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; 01 Phiếu nhập học hệ chính quy khóa 4 (đều mang tên Nguyễn Thị Thu H).

- Trả lại cho chị Đặng Thị Nh1, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, sơn màu xanh đã cũ, BKS 26F1 – 68xx.

- Cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án 03 đăng ký xe ô tô giả, BKS: 89L – 11xx, 89L – 13xx, 89L – 13xx.

[5]. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 77.106.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Tổng bằng 77.306.00 đồng (bảy mươi bảy nghìn ba trăm linh sáu nghìn).

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Những Người bị hại; Người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cq CSĐT- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (qua TTG)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPCQ, Tòa hình sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA**

Nguyễn Văn Hoan

